TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/KDTM - ST
Ngày: 30 – 9 – 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây lắp điện và hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2022/TLST – KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hợp xây lắp điện và hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐST - KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 75/2022/QĐST-DS ngày ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần xây dựng điện VN; địa chỉ: Khối 3 phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức T – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang H, sinh năm: 1977 và ông Nguyễn Bá A, sinh năm: 1994 (Theo giấy ủy quyền số lập ngày 17/5/2022 từ ông Trần Đức T – Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng điện VN); địa chỉ: Số 44 đường HN, phường LM, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền ông H, ông Bá A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH đầu tư và xây dựng HS; địa chỉ: Số 32A đường NHC, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông

Hoàng Văn T1 – Giám đốc. Ông T vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt; quan điểm của người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng Điện VN (*sau đây gọi là công ty VN*) và Công ty TNHH đầu tư và xây dựng HS (*sau đây gọi là công ty HS* là đối tác đã hợp tác làm ăn với nhau từ lâu. Trong năm 2019 và năm 2020, hai công ty đã ký kết với nhau ba hợp đồng kinh tế, gồm: Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VNECO3, ngày 18/10/2019; Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS, ngày 14/02/2020 về việc sản xuất mua bán cột điện BTLT; Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS, ngày 18/11/2020 về sản xuất và nhận vận chuyển cột điện BTLT.

Việc ký kết các Hợp đồng giữa nguyên đơn với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng đã phát sinh hiệu lực.

Về hình thức: Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN; Các Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS ngày 14/02/2020 và số 18/11/2020 HĐ/VN-HS ngày 18/11/2020 ký kết giữa hai bên đều được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật. Công ty VN với Công ty HS là hai pháp nhân, phía Công ty VN có ông Trần Đức T, giám đốc công ty, phía Công ty HS có ông Hoàng Văn T1 giám đốc công ty đều là người đại diện theo pháp luật của Công ty tham gia ký kết hợp đồng; nên các Hợp đồng như trên đã đảm bảo quy định tại các Điều 138,139 Luật Xây dựng và phù hợp với Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021, nghị định sửa đổi nghị định số 37/2015/NĐ-CP, ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng cũng như đảm bảo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại.

Về nội dung các hợp đồng:

- Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN có nội dung: Công ty HS (Bên A) giao và Công ty VN (Bên B) đồng ý nhận thi công 15 vị trí từ VT314-VT328 Gói thầu số 9: Xây lắp (bao gồm xây lắp các trạm lặp quang) Lô 9.6: Cung đoạn từ vị trí 39-01 đến vị trí 48-01, thuộc Dự án: Đường dây 500kV QT – DS. Hợp đồng có giá trị 4.377.111.616 đồng. Trong đó giá trước thuế = 3.979.192.378 đồng, thuế VAT 10% = 397.919,238 đồng. Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định.

- Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VNECO3-HS có nội dung: Công ty VN bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty HS và vận chuyển cột từ kho bên B đến xã HT – huyện BT – Quảng Bình với với tổng cộng 268 cột giá trị là 1.232.508.200 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS có nội dung: Theo hợp đồng thì Công ty VN bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty HS và vận

chuyển cột từ kho bên B đến xã HT – huyện BT – Quảng Bình với tổng cộng 165 cột giá trị là 827.688.400 đồng.

Tổng giá trị của hai Hợp đồng số 08 và 18/11/2020 là: 2.060.196.600 đồng

* Như vậy, tại thời điểm giao kết các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự; hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật của các bên ký kết các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đúng ngành nghề kinh doanh. Đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 141 Luật Xây dựng. Đối với các Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS và số 18/11/2020 HĐ/VN-HS thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên xác định các hợp đồng được giao kết hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết; là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện đồng giữa 2 bên:

* Đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN Công ty VN đã hoàn thành công việc theo nội dung Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN mà 2 bên đã cam kết theo bản vẽ thi công do Công ty HS giao thể hiện bằng: Tổng khối lượng công việc hoàn thành qua 4 lần nghiệm thu mà hai Công ty đã có xác nhận với nhau bằng văn bản có tổng giá trị là 1.641.475.578 đồng, cụ thể như sau:

- Lần nghiệm thu đợt 1 ngày 06/12/2019: Công ty HS phải thanh toán cho công ty VN số tiền là 395.073.787 đồng tương ứng với khối lượng công việc đã được nghiệm thu. Công ty VN cũng đã xuất 2 hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 1 của hợp đồng này: Hóa đơn số 0000842 ngày 06/12/2019 giá trị 216.848.824 đồng. Hóa đơn số 0000863 ngày 02/01/2020 giá trị 178.224.963 đồng. Đối với khối lượng hoàn thành công việc đợt 1 này thì Công ty HS đã thanh toán đủ cho công ty VN 395.073.787 đồng (100% giá trị tương ứng khối lượng nghiệm thu).

- Lần nghiệm thu đợt 2 ngày 19/06/2020: Công ty HS phải thanh toán cho công ty VN số tiền là 273.000.687 đồng tương ứng với khối lượng công việc đã được nghiệm thu. Công ty VN cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 2 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000916 ngày 19/06/2020 với số tiền là 273.000.687 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 2, Công ty HS chỉ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là 245.701.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu) theo phiếu báo có ngày 26/06/2020 tại ngân hàng MB.

- Lần nghiệm thu đợt 3 ngày 30/08/2020: Công ty HS phải thanh toán cho công ty VN số tiền là 255.135.885 đồng tương ứng với khối lượng công việc đã được nghiệm thu. Công ty VN cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 3 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000950 ngày 04/08/2020 với số tiền là 255.135.885 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 3, Công ty HS chỉ thanh toán cho công ty VN số tiền là 229.622.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu) theo giấy báo có ngày 25/09/2020 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Lần nghiệm thu đợt 4 ngày 02/08/2021: Công ty HS phải thanh toán cho công ty VN số tiền là 718.265.218 đồng tương ứng với khối lượng công việc đã được nghiệm thu. Công ty VN cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 4 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000087 ngày 02/08/2021 với số tiền là 718.625.218đ. Đối với giá trị xây lắp Đợt 4 thì Công ty HS chưa thanh toán cho công VN được đồng nào.

Như vậy qua 4 lần nghiệm thu khối lượng, chất lượng giữa 2 bên về giá trị khối lượng công việc hoàn thành thì công ty VN đã cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán, hóa đơn tài chính hợp lệ; Thế nhưng công ty HS vẫn không chịu thanh toán đầy đủ cho VN theo khối lượng công việc đã hoàn thành như cam kết trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tổng khối lượng công việc hoàn thành qua 4 lần nghiệm thu mà hai Công ty đã có xác nhận bằng văn bản với nhau, tương ứng với số tiền Công ty HS phải thanh toán cho Công ty VN là 1.641.475.578 đồng, đã thanh toán 870.396.788 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán 771.078.790 đồng; trong đó có 718.265.218 đồng là giá trị khối lượng chưa thanh toán đợt 4, cộng với số tiền 52.813.572 đồng là khoản tiền mà bên Công ty HS giữ lại ở Đợt 2 và Đợt 3 (10% giá trị) chưa thanh toán. Công ty HS đã vi phạm việc thanh toán được 2 bên cam kết tại khoản 4.4 Điều 4 của hợp đồng

* Đối với Hợp đồng kinh tế số 08/ HĐKT/2020/VN-HS và hợp đồng Kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VN-HS.

- Đến thời điểm ngày 15/05/2021, Công ty VN đã cung cấp đầy đủ số lượng cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty HS và vận chuyển cột từ kho bên B đến xã HT – huyện BT – Quảng Bình theo 2 hợp đồng trên, nhưng Công ty HS cũng không trả đủ tiền cho Công ty VN.

- Việc Công ty VN cung cấp đầy đủ số lượng cột điện bê tông ly tâm cho Công ty HS được thể hiện số cột điện đã được vận chuyển đến hiện trường và Công ty HS đã sử dụng để lắp đặt tại hiện trường. Do Công ty HS đã nhận hàng đầy đủ nên bên bán hàng Công ty VN đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên mua hàng là Công ty HS.

-Tại văn bản số 24/CV-HS, ngày 29/04/2021 của Công ty HS đã cam kết sẽ thanh toán công nợ với số tiền còn lại là: 108.252.128 đồng đối với hai hợp đồng nêu trên trước ngày 31/05/2021. Sau ngày 29/4/2021 Công ty VN đã chuyển giao đầy đủ số lượng cột bê tông cho Công ty HS tương ứng với số tiền 108.252.128đ; thế nhưng đến nay, Công ty HS vẫn chưa thanh toán số nợ nói trên đối với hai hợp đồng này.

- Công ty VN đã nhiều lần bằng điện thoại và bằng văn bản yêu cầu Công ty HS thành toán đầy đủ số tiền còn lại cho Công ty VN, thế nhưng Công ty HS vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Thể hiện bằng các văn bản sau:

+ Công Văn số 176 CV/VN-TCKT, ngày 06/10/2021 đề nghị Công ty HS thanh toán công nợ.

+ Công Văn số 36 CV/VN-TCKT, ngày 02/3/2021 đề nghị Công ty HS thanh toán công nợ quá hạn.

+ Công Văn số 18/VPLSS1 ngày 18/4/2022 của Văn phòng Luật sư số 1 Nghệ An, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty VN. Tại Công văn này người đại diện theo ủy quyền của Công ty VN đã phân tích rõ hậu quả pháp lý cũng như sự bất lợi đối với Công ty HS nếu chậm thanh toán; Đồng thời phía Công ty VN cũng đã đề nghị Công ty HS có vấn đề gì thắc mắc cần trao đổi thì liên lạc với người đại diện theo ủy quyền để cùng nhau tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; Thế nhưng Công ty HS vẫn không chịu hợp tác và không có có bất kỳ sự phản hồi nào. Điều này càng chứng tỏ Công ty HS thiếu thiện chí và vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Do vậy, bất đắc dĩ Công ty VN phải khởi kiện Công ty HS ra Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN Công ty HS đã vi phạm việc thanh toán được 2 bên cam kết tại khoản 4.4 Điều 4 của hợp đồng Đối với Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS và số 18/11/2020 HĐ/VN-HS Công ty HS đã vi phạm việc thanh toán được 2 bên cam kết tại khoản Điều 3 của hợp đồng. Việc chậm thanh toán đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn vốn kinh doanh, tiền lương, đời sống của người lao động trong công ty VN. Bởi vậy, ngoài số tiền nợ gốc phải trả, đề nghị Tòa án buộc Công ty HS phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán được quy định tại khoản 4.4 Điều 4 của Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN và theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 146 Luật xây dựng; khoản 10 Điều 19, Điều 42, Điều 43 Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được sửa đổi bổ sung theo Nghị Định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021; Đối với hai hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS và số 18/11/2020 HĐ/VN-HS Công ty HS đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 280 và Điều 351 Bộ luật dân sự 2015.

Thời gian và số tiền lãi chậm thanh toán được xác định và tính như sau:

1. Đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VN: Số tiền gốc chậm thanh toán là 771.078.790 đồng. Thời gian và mức lãi suất áp dụng đối với số tiền này cần áp dụng các quy định theo khoản 10 Điều 19, Điều 42, Điều 43 Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2012 Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được sửa đổi bổ sung theo Nghị Định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định:

Theo cam kết của 2 bên trong hợp đồng và quy định cụ thể của pháp luật đã được viện dẫn nêu trên; Thời điểm công ty HS phải thanh toán tiền cho Công ty VN được xác định sau 07 ngày kể từ ngày Công ty VN và Công ty HS ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng *(ngày 02/8/2021*). Thời gian chậm thanh toán để tính lãi được tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày*

30/9/2022) bằng 417 ngày. Mức lãi suất quá hạn là 10%/ năm. Tiền lãi cụ thể được xác định như sau:

- Số tiền: 771.078.790 đồng – (1.641.475.578 đồng x 5%) = 689.005.011 đồng có thời hạn chậm thanh toán từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là: 417 ngày: 689.005.011 đồng x 10%/365/ngày x 417 ngày = 78.716.462 đồng

- Số tiền: 1.641.475.578 đồng x 5% = 82.073.779 đồng (5% tiền giữ lại để bảo hành công trình) có thời hạn chậm thanh toán tính từ hết thời hạn bảo hành, sau 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng 02/8/2021 đến 02/8/2022 nên tính từ ngày 02/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là 59 ngày: 82.073.779 đồng x10%/365/ngày x 59 ngày = 1.326.672 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: gốc 771.078.790 đồng + lãi (78.716.462 đồng + 1.326.672 đồng = 80.043.134 đồng) = 851.121.924 đồng. Và tiền lãi suất chậm trả tiếp theo từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả đủ số tiền trên.

2. Đối với Hợp đồng kinh tế số 08/ HĐKT/2020/VN-HS và hợp đồng Kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VN-HS:

Số tiền gốc chậm thanh toán là 108.252.128 đồng. Công ty VN và công ty HS thỏa thuận thời hạn thanh toán là trước khi nhận hàng các đợt nên thời điểm điểm yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với 2 Hợp đồng này là kể từ ngày Công ty VN xuất hóa đơn cuối cùng cho Công ty HS là ngày 28/04/2021.

- Thời gian lãi chịu chậm thanh toán:

Thời hạn chậm thanh toán từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là 520 ngày; mức lãi suất quá hạn là: 10%/năm.

Vì vậy cần buộc Công ty HS phải trả cho công ty VN tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ phải trả:

108.252.128 đồng x 10%/365/ngày x 520 ngày = 15.422.220 đồng và phải tiếp tục trả lãi quá hạn đến khi trả đủ số tiền nợ đối với 2 hợp đồng trên.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 123.674.348 đồng. Trong đó số tiền gốc là 108.252.128đ, lãi chậm trả là 15.422.220đ.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi chậm trả buộc công ty Hương Sắc phải trả cho công ty V 3 tại 3 hợp đồng nêu trên là:

851.121.924 đồng + 123.674.348 đồng = 974.796.272 đồng.

Từ những lập luận nêu trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VN buộc bị đơn Công ty HS phải trả khoản nợ gốc và tiền lãi suất chậm trả theo nội dung trên; Và tiền lãi suất chậm trả tiếp theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả đủ số tiền trên.

Đối với bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS ông Hoàng Văn T1 - Giám đốc công ty không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS ông Hoàng Văn T1 - Giám đốc công ty vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán, bị đơn có địa chỉ thường trú phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay đại đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty HS ông Hoàng Văn T1 - Giám đốc vắng mặt không có lý do chính đáng. Họ đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 50, Điều 306 Luật thương mại, Điều 19, Điều 42, Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021; Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân Tối cao chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án đề nghị toà án tuyên nghĩa vụ án phí của bị đơn tương ứng với số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HSdo ông Hoàng Văn T1 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật có địa chỉ trụ sở tại: Số 32A đường NHC, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần xây dựng điện VN khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS do ông Hoàng Văn T1 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN ngày 18/10/2019 và các Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS ngày 14/02/2020; Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VN-HS, ngày 18/11/2020. Công ty Cổ phần xây dựng Điện VN và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng xây lắp điện và hợp đồng kinh tế trong hoạt động kinh doanh thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.3] Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS do ông Hoàng Văn T1 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó, nên không lấy được lời khai cũng như quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tống đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tống đạt trực tiếp được đối với bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS do ông Hoàng Văn T1 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS do ông Hoàng Văn T1 làm Giám đốc. Kết quả xác minh như sau: Xác nhận tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình thì Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp là 3100382654, đăng ký

lần đầu ngày 18/7/2007, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 26/3/2020; hiện đang có trụ sở chính tại: Số 32A NHC, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Văn T1 – sinh ngày 12/8/1977, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Tình trạng doanh nghiệp tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Đang hoạt động. Theo giấy chứng nhận kinh doanh và tìm hiểu thì ông Hoàng Văn T1 có địa chỉ thường trú tại Thôn ĐP, xã QP, thành phố H tỉnh Quảng Bình hiện nay vẫn đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú.

[1.5] Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án Tòa án ra Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 55/2022/QĐST-KDTM ngày 02/8/2022. Do vắng mặt bị đơn nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án chỉ tiến hành phiên họp công khai về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được với sự có mặt của nguyên đơn đồng thời ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 và tiến hành niêm yết tại địa chỉ nơi bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS đóng trụ sở. Ngày 16/8/2022 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS do ông Hoàng Văn T1 – Chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc là người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-KDTM ngày 16/8/2022 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/9/2022 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố và trụ sở UBND phường nơi bị đơn đóng trụ sở. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 14/9/2022 bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng quyết định hoãn phiên tòa.

[1.6] Việc xét xử vắng mặt của đương sự: Công ty Cổ phần xây dựng điện VN là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS vắng mặt lần thứ ba không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp, hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN ngày 18/10/2019, Công ty VN nhận thi công 15 vị trí từ VT314-VT328 Gói thầu số 9: Xây lắp (bao gồm xây lắp các trạm lặp quang) Lô 9.6: Cung đoạn từ vị trí 39-01 đến vị trí 48-01 Dự án: Đường dây 500Kv QT - DS theo bản vẽ thi công do Công ty HS giao công việc thi công dựng cột và thi công kéo dây đồng. Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS ngày 14/02/2020, Công ty VN có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty HS và vận chuyển cột từ kho bên B đến xã HT – huyện BT – Quảng Bình. Hợp đồng kinh tế số

18/11/2020 HĐ/VN-HS, ngày 18/11/2020, Công ty VN có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty HS với tổng cộng 165 cột. Các Hợp đồng được ký kết và thực hiện giữa Công ty VN và Công ty HS. Xét đây là hợp đồng có hình thức, nội dung không trái pháp luật và được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng thi công xây lắp điện và các hợp đồng kinh tế thì các bên đã có các bảng thanh toán với các lần nghiệm thu. Cụ thể tại Hợp đồng thi công xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN ngày 18/10/2019: Tổng khối lượng hoàn thành công việc qua 4 lần nghiệm thu mà hai Công ty đã xác nhận bằng văn bản với giá trị là 1.641.475.578 đồng cụ thể:

- Lần nghiệm thu đợt 1, tại bảng thanh toán hai bên đã ký kết ngày 06/12/2019 số tiền mà bên Công ty HS đã thanh toán đủ cho công ty VN là 395.073.787 đồng (100% giá trị tương ứng khối lượng nghiệm thu).

- Lần nghiệm thu đợt 2, tại bảng thanh toán hai bên đã ký kết ngày 19/06/2020 số tiền mà bên Công ty HS thanh toán cho công ty VN là 245.701.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu) theo phiếu báo có ngày 26/06/2020 tại ngân hàng MB.

- Lần nghiệm thu đợt 3, tại bảng thanh toán hai bên đã ký kết ngày 30/08/2020 số tiền mà bên Công ty HS thanh toán cho công ty VN là 229.622.000 đồng (90% giá trị nghiệm) theo giấy báo có ngày 25/09/2020 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Lần nghiệm thu đợt 4, tại bảng thanh toán hai bên đã ký kết ngày 02/08/2021 số tiền mà bên Công ty HS phải thanh toán cho công ty VN là 718.265.218 đồng, nhưng phí Công ty Hương Sắc chưa thanh toán.

Đối với các hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS ngày 14/02/2020 và Hợp đồng kính tế số 18/11/2020 HĐ/VN-HS ngày 18/11/2020 thì công ty VN đã bán cột điện bê tông ly tâm và cột bê tông ly tâm cho Công ty HS. Quá trình thực hiện các Hợp đồng kinh tế Công ty HS đã thanh toán các khoản tiền tại các Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên. Do chưa thanh toán đủ số tiền cho Công ty VN nên tại văn bản số 24/CV-HS, ngày 29/04/2021 của Công ty HS đã cam kết sẽ thanh toán công nợ với số tiền còn lại là: 108.252.128 đồng đối với hai hợp đồng nêu trên cho công ty VN trước ngày 31/05/2021.

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Đến tại thời điểm hiện nay Công ty HS chưa thanh toán số nợ tại Hợp đồng xây lắp là 771.078.790

đồng, trong đó có 718.265.218 đồng là giá trị khối lượng chưa thanh toán đợt 4 cộng với số tiền 52.813.572 đồng là khoản tiền mà bên Công ty HS giữ lại ở Đợt 2 và Đợt 3 (10% giá trị) chưa thanh toán cho Công ty VN. Đối với các Hợp đồng kinh tế số tiền còn nợ là 108.252.128 đồng. Tổng số tiền gốc phía công ty VN yêu cầu Công ty HS thanh toán là 879.330.918 đồng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty HS không đến làm việc theo giấy triệu tập, Tòa án không lấy được lời khai và quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ, bảng thanh toán nghiệm thu, văn bản cam kết trả nợ ngày 29/4/2021, không thắc mắc gì về nội dung và điều khoản của hợp đồng cũng như việc thanh toán số tiền còn nợ Công ty VN. Vì vậy, Công ty VN khởi kiện yêu cầu Công ty HS trả số tiền còn lại của các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng xây lắp là 879.330.918 đồng có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu trả lãi chậm trả của Công ty VN đối với Công ty HS do vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các hợp đồng đã ký kết:

[3.1.1] Về thời gian tính lãi chạm trả và mức lãi suất áp dụng:

- Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN, số tiền gốc chậm trả 771.078.790 đồng; mức lãi suất quá hạn 10%/năm cụ thể: Số tiền: 771.078.790 đồng – (1.641.475.578 đồng x 5%) = 689.005.011 đồng có thời hạn chậm thanh toán từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là: 417 ngày: 689.005.011đ x 10%/365/ngày x 417 ngày = 78.716.462 đồng.

Ngoài ra 1.641.475.578đ x 5% = 82.073.779đ (5% tiền giữ lại để bảo hành công trình) có thời hạn chậm thanh toán tính từ hết thời hạn bảo hành, sau 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng 02/8/2021 đến 02/8/2022 *(Theo khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình xây dựng*) nên tính từ ngày 02/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là 59 ngày: 82.073.779đ x10%/365/ngày x 59 ngày = 1.326.672 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VN-HS ngày 14/02/2020 Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020/HĐ/VN-HS ngày 18/11/2020, số tiền gốc chậm trả 108.252.128 đồng; mức lãi suất quá hạn 10%/năm. Thời hạn chậm thanh toán từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2022) là 520 ngày: 108.252.128 đồng x 10%/365/ngày x 520 ngày = 15.422.220 đồng.

[3.1.2] Căn cứ mục 4.4 Điều 4 Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN, ngày 18/9/2019 được ký kết giữa Công ty HS và Công ty VN về phương thức thanh toán ghi "*Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 90% (bao gồm cả tạm ứng) giá trị khối lượng công việc hoàn thành tương ứng trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng giữa hai bên….Việc thanh toán dựa trên phiếu giá thanh toán…*".

Đối với Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VN-HS và số 18/11/2020 HĐ/VN-HS Công ty HS đã vi phạm việc thanh toán được 2 bên cam kết tại khoản

Điều 3 của hợp đồng. *"Điều 3: Phương thức và thời hạn thanh toán: ...Thanh toán trước khi nhận hàng các đợt. Trường hợp bên A chưa cân đối nguồn kịp để thanh toán cho bên B, thì phải phát hành bảo lãnh thannh toán cho bên b."*

Mặc dù tại các hợp đồng không ghi rõ cụ thể việc quá thời hạn thanh toán bên A sẽ chịu lãi suất quá hạn. Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như vậy, căn cứ vào các phiếu thanh toán cũng như văn bản hẹn ngày trả nợ của Công ty HS, thì đến ngày hẹn trả nợ mà Công ty HS vẫn chưa thanh toán các khoản còn nợ tại các Hợp đồng cho Công ty VN. Nên việc yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán của Công ty VN là có cơ sở để chấp nhận.

[3.1.3] Xét thời điểm tính lãi và mức lãi áp dụng mà bên phía Công ty VN tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VN, tính từ ngày Công ty VN và Công ty HS ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng vào ngày 02/08/2021 và 09/8/2021 với mức lãi suất 10%. Tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VN-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VN-HS, từ ngày Công ty VNECO3 xuất hóa đơn cuối cùng cho Công ty HS là ngày 28/04/2021 với mức lãi suất 10%. Căn cứ kết quả khảo sát lãi suất nợ quá hạn của 03 Ngân hàng gồm Ngân hàng NN – Chi nhánh QB công văn trả lời số 684/NHNo.QB-KHDN ngày 30/8/2022; Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh QB công văn trả lời số 60/2022/CV-CNQB-TH ngày 05/9/2022; Ngân hàng TMCP NT – Chi nhánh QB công văn trả lời số số 163/TB-QBI-KHBL ngày 06/9/2022 thì mức lãi suất quá hạn áp dụng cho pháp nhân vay trung hạn dài hạn của các Ngân hàng từ 10,5%/năm đến 15,75%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án và quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi cho Hội đồng xét xử thì phía nguyên đơn tự nguyện áp dụng mức lãi suất trong trường hợp hai bên không có thỏa thuận là 10%/năm, mức lãi suất này là thấp hơn so với quy định của pháp luật. Mặt khác, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Từ các mục [3.1.1], [3.1.2], [3.1.3], Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi của cả hai hợp đồng là: 80.043.134 đồng + 15.422.220 đồng = 95.465.354 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty HS có trách nhiệm trả cho Công ty Vneco3 toàn bộ số nợ gốc và lãi chậm trả, tính đến ngày 30/9/2022 tổng số tiền: 974.796.272 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền 36.000.000 đồng cộng 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là: 974.796.272 đồng – 800.000.000 đồng = 174.796.272 đồng x 3% = 5.243.888 đồng + 36.000.000 đồng = 41.234.888 đồng để sung quỹ nhà nước.

Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN số tiền tạm ứng án phí 20.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001196 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357; 385; 386; 398; 401; 430; 434; 435; 436; 440 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 19, Điều 42, Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021;

- Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN.

1.1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2022 là 974.796.272 đồng, bao gồm: Nợ tiền gốc 879.330.918 đồng, lãi chậm trả: 95.465.354 đồng.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực.

1.2. Từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng HS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 41.234.888 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Trả lại cho Công ty cổ phần Xây dựng Điện VN số tiền tạm ứng án phí 20.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001196 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, Công ty Hương Sắc đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

* Đối với Hợp đồng xây lắp: Ngày 18 tháng 10 năm 2019, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3. Theo hợp đồng, Công ty VNECO3 nhận thi công 15 vị trí từ VT314-VT328 Gói thầu số 9: Xây lắp (bao gồm xây lắp các trạm lặp quang) Lô 9.6: Cung đoạn từ vị trí 39-01 đến vị trí 48-01 Dự án: Đường dây 500Kv Quảng Trạch - Dốc Sỏi theo bản vẽ thi công do Công ty Hương Sắc giao công việc thi công dựng cột và thi công kéo dây với tổng giá trị hợp đồng là: 4.377.111.616 đồng. Thực tế thực

hiện: Tổng khối lượng hoàn thành công việc qua 4 lần nghiệm thu mà hai Công ty đã xác nhận bằng văn bản với giá trị là 1.641.475.578 đồng.

- Lần nghiệm thu đợt 1, ngày 06/12/2019 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 395.073.787 đồng, Công ty VNECO3 cũng đã xuất 2 hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 1 của hợp đồng này: Hóa đơn số 0000842 ngày 06/12/2019 giá trị 216.848.824 đồng, Hóa đơn số 0000863 ngày 02/01/2020 giá trị 178.224.963 đồng. Đối với khối lượng hoàn thành công việc đợt 1 này thì Công ty Hương Sắc đã thanh toán đủ cho công ty chúng tôi 395.073.787 đồng (100% giá trị tương ứng khối lượng nghiệm thu).

- Lần nghiệm thu đợt 2, ngày 19/06/2020 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 273.000.687 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 2 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000916 ngày 19/06/2020 với số tiền là 273.000.687 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 2, Công ty Hương Sắc chỉ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là 245.701.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu) theo phiếu báo có ngày 26/06/2020 tại ngân hàng MB.

- Lần nghiệm thu đợt 3, ngày 30/08/2020 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 255.135.885 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 3 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000950 ngày 04/08/2020 với số tiền là 255.135.885 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 3, Công ty Hương Sắc chỉ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là 229.622.000 đồng (90% giá trị nghiệm) theo giấy báo có ngày 25/09/2020 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Lần nghiệm thu đợt 4, ngày 02/08/2021 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 718.265.218 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 4 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000087 ngày 02/08/2021 với số tiền là 718.625.218 đồng. Đối với giá trị xây lắp Đợt 4 thì Công ty Hương Sắc chưa thanh toán cho công ty chúng tôi.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, công ty chúng tôi đã gửi công văn số 176 CV/VNECO3-TCKT về việc đề nghị Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc thanh toán công nợ 646.439.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu đợt 4). Tuy nhiên, Công ty Hương Sắc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu. Ngày 02 tháng 03 năm 2022, công ty chúng tôi đã gửi công văn số 366 CV/VNECO3-TCKT về việc đề nghị Công ty Hương Sắc thanh toán công nợ quá hạn theo hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VNECO3 ngày 18/10/2019 về việc thi công xây lắp công trình: ĐZ 500 Kv Quảng Trạch – Dốc Sỏi (lô 9.6) đã thi công hoàn thành nghiệm thu lập phiếu giá thanh toán được hai bên xác nhận và xuất hóa đơn ngày 04/08/2020. Đến nay, Công ty Hương Sắc chưa thanh toán số nợ là 771.078.790 đồng, trong đó có 718.265.218 đồng là giá trị khối lượng chưa thanh toán đợt 4 cộng với số tiền 52.813.572 đồng là khoản tiền mà bên Công ty Hương Sắc giữ lại ở Đợt 2 và Đợt 3 (10% giá trị) chưa thanh toán cho chúng tôi.

Do Công ty Hương Sắc chậm trả số tiền theo nghĩa vụ Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, như vậy chúng tôi sẽ tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3, tính từ ngày Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng vào ngày 02/08/2021 tạm tính đến ngày 02/06/2022 là 10 tháng chậm trả. Lãi suất chậm trả tính như sau: 771.078.790 đồng x 10% x (10:12) = **62.256.566 đồng**

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc phải thanh toán cho công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO3 theo Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3 tổng cộng là: 833.355.356 đồng.

* Đối với các Hợp đồng kinh tế: Ngày 14 tháng 2 năm 2020, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VNECO3-HS. Theo hợp đồng thì Công ty VNECO3 có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty Hương Sắc và vận chuyển cột từ kho bên B đến xã Hưng Trạch – huyện Bố Trạch – Quảng Bình với tổng giá trị là 1.232.508.200 đồng**.** Ngày 18 tháng 11 năm 2020, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS. Theo hợp đồng thì Công ty VNECO3 có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty Hương Sắc với tổng cộng 165 cột giá trị là 827.688.400 đồng. Và theo hợp đồng cung cấp cột bê tông ly tâm số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS ngày 18/11/2020. Tổng giá trị của hai Hợp đồng là: 2.060.196.600 đồng. Đến thời điểm ngày 15/05/2021, Công ty chúng tôi đã cung cấp đủ số lượng hàng hóa theo 2 hợp đồng trên.

Tại văn bản số 24/CV-HS, ngày 29/04/2021 của Công ty Hương sắc đã cam kết sẽ thanh toán công nợ với số tiền còn lại là: 108.252.128 đồng đối với hai hợp đồng nêu trên cho công ty chúng tôi trước ngày 31/05/2021. Nhưng đến nay, Công ty Hương Sắc vẫn chưa thanh toán số nợ nói trên đối với hai hợp đồng này. Cũng như Hợp đồng xây lắp, do chậm trả, nên Công ty VNCO3 sẽ tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS, từ ngày Công ty VNECO3 xuất hóa đơn cuối cùng cho Công ty Hương Sắc là ngày 28/04/2021 tạm tính đến ngày 28/05/2022 là 13 tháng chậm trả, lãi suất chậm trả được tính như sau: 108.252.128 x 10% x (13: 12) = 11.727.314 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 theo Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS tổng cộng là: 119.979.442 đồng**.** Sự chậm trễ thanh toán của Công ty Hương Sắc đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi pháp của công ty chúng tôi. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty VNECO3 buộc phải khởi kiện Công ty Hương Sắc ra Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty VNECO3 yêu cầu Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc phải trả số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO3 với các hợp đồng như sau: Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3 số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tổng cộng là 833.355.356 đồng (trong đó tiền gốc: 771.078.790 đồng, lãi suất chậm trả: **62.256.566 đồng).** Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả là **119.979.442 đồng (trong đó tiền gốc** 108.252.128, lãi chậm trả 11.727.314 đồng). Tổng toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng và tiền lãi trả chậm là: **953.354.798 đồng.**